

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29-04-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Danh Tuyên và bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: xóm T, xã NQ, huyện N, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: xóm T, xã NQ, huyện N, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị Trần Thị H và anh Trần

Văn Th lấy nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống không hạnh phúc, anh Th không quan tâm đến vợ con, thường xuyên không ở nhà nên không khi nào vợ chồng bàn bạc cũng như tâm sự với nhau về cách sống, cách nuôi con cũng như cách làm ăn kinh tế. Mặc dù vợ chồng cùng sống trong một nhà nhưng không hề quan tâm nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị H không còn tình cảm gì với anh Th, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Th có 2 người con chung, cháu Trần Thiên Ph và cháu Trần Thiên H (sinh đôi) cùng ngày 05/07/2011. Nguyên vọng sau khi ly hôn của chị H là người trực tiếp nuôi cả hai con, chưa yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - anh Trần Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 02/03/2020, thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và con chung: Như trình bày của chị Trần Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng, anh không có ý kiến gì. Anh và chị H lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, làm lễ cưới theo phong tục tập quán, làm lễ cưới tại nhà thờ và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 31/01/2008 và đã được Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận và sinh được 02 người con Trần Thiên Ph và Trần Thiên H (sinh đôi) cùng ngày 05/07/2011. Do điều kiện kinh tế nên anh và chị H đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, không có điều kiện chung sống cùng nhau, 6 năm nay vợ chồng xa cách nhau, ít quan tâm nhau nhưng anh đang còn tình cảm, yêu thương chị H. Anh không chấp nhận yêu cầu của chị H, mặc dù vợ chồng không quan tâm nhau, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh là người theo đạo thiên chúa Giáo

không được phép ly hôn, hơn nữa anh cũng đang còn tình cảm với chị H, mong muốn chị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản và nợ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:**

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký tòa án thực hiện đúng các quy định về phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn Th

+ Về con chung: Giao 02 con chung Trần Thiên Ph và Trần Thiên H (sinh đôi) cùng ngày 05/07/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th vì chị H chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nguyên đơn, bị đơn cư trú tại huyện N, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Th lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 31/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện N, tỉnh Nghệ An, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu của đương sự:

- Đối với yêu cầu về ly hôn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu nhưng đến năm 6 năm nay vợ chồng xa cách nhau, ít quan tâm nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc kết hôn là để vợ chồng cùng chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc cùng nhau nuôi dạy con cái khôn lớn, yêu thương, chia sẻ với nhau khó khăn trong cuộc sống. Đó cũng là nghĩa vụ, bổn phận của người làm vợ, làm chồng. Chị H và anh Th đã không còn yêu thương, quan tâm đến nhau từ năm 2013 đến nay, qua lời khai của người làm chứng cho thấy vợ chồng chị H, anh Th sống không quan tâm nhau từ năm 2013 cho đến nay. Như vậy, có thể khẳng định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Th đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Th là phù hợp với pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất trình bày có 2 người con chung, Trần Thiên Ph và Trần Thiên H (sinh đôi) cùng ngày 05/07/2011. Hiện nay hai người con đang còn nhỏ và đang sống với chị H, nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi cả hai con vì lâu nay chị H là người trực tiếp nuôi cả hai con, anh Th không mấy khi ở nhà để chăm sóc nuôi dưỡng các con. Anh Th không chấp nhận ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về nuôi con, chia tài sản chung và nợ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hai cháu Trần Thiên Ph và Trần Thiên H từ nhỏ đã được chị H trực tiếp nuôi dưỡng do anh Th đi làm ăn xa; bản thân 2 cháu là sinh đôi, về đặc điểm sinh học có những điều gắn kết hơn các anh chị em bình thường vì vậy cần giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp, đảm bảo được sự phát triển bình thường của các cháu. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Trần Thị H chưa yêu cầu anh Trần Văn Th cấp dưỡng nuôi con cho nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Th.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35, điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn Th.
2. Về con chung: Giao con chung Trần Thiên Ph và Trần Thiên H (sinh đôi) cùng ngày 05/07/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi 02 con chung thành niên hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn Th vì chị Trần Thị H chưa có yêu cầu.

Anh Trần Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu anh Th lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA0005946 ngày 13/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Thi hành án DS H.N;
- UBND xã NQ (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Thúy